TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 557/2025/DS-PT
Ngày: 29-8-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán:Ông Đinh Tiền Phương

Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 29 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Dương Văn H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A đường P, Phường T, thành phố T, tỉnh Long An;

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Số A đường P, Phường K, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Huỳnh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số A L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An nay là Phường K, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Số A L, Phường K, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Võ Hòa T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp F, xã N, huyện B, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/9/2024).

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp F, xã B, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A QL E ấp H, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Minh T2 – Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đinh Thị M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Số 1811 QL 51 ấp H, xã P, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* ông Vũ Hoàng C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Trần Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2024 và 02 tháng 4 năm 2024 của nguyên đơn ông Dương Văn H1 và bà Huỳnh T và những lời trình bày của người đại diện ủy quyền tại phiên Tòa như sau:

Vào ngày 06 tháng 06 năm 2022, ông K và bà M có thỏa thuận vay ông H, bà T số tiền 2.000.000.000 đồng, không có viết biên nhận, bà T chuyển tiền cho bà M (vợ ông K) số tiền là 1.300.000.000 đồng, trả tiền mặt cho khách hàng dùm anh K là 700.000.000 đồng.

Vào ngày 10 tháng 06 năm 2022, ông K có thỏa thuận vay tiếp của ông H, bà T số tiền 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng và không thỏa thuận thời gian vay, có viết biên nhận, thỏa thuận thanh toán lãi hàng tháng, ông H và bà T giao trực tiếp tiền mặt cho ông K 2.000.000.000 đồng, ông K trả trước số tiền lãi là 120.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng ngày 06 tháng 6 năm 2022, ông K và bà M trả dần từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 được số tiền 530.000.000 đồng. Lúc này ông H là nhân viên của Công ty TNHH MTV T6 do bà M làm giám đốc nên bà M và ông K giao cho ông H và bà T bán sản phẩm của Công ty T6 phân phối tại thị trường Bến Tre, Trà Vinh, một số cửa hàng ở Cù Lao T và thu công nợ ở thị trường này để cấn trừ vào số nợ. Cụ thể số tiền chính xác như thế nào thì ông H và bà T không rõ, số tiền còn lại ông H và bà T tiếp tục lấy hàng để cấn trừ. Trong quá trình các bên giao dịch mua bán thì sản phẩm của Công ty T6 bị lỗi. Ông H và bà T có giữ của Công ty T6 số tiền 60.635.241 đồng để chờ xử lý. Như vậy, số tiền vay 2.000.000.000 đồng ngày 06 tháng 6 năm 2022, ông K, bà M và ông H, bà T đã thỏa thuận thực hiện riêng.

Đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng ngày 10 tháng 6 năm 2022 là khoản vay riêng của ông K, từ khi vay đến nay ông K không trả tiền vốn lãi theo thỏa thuận nên ông H và bà T yêu cầu trả tiền vốn vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cụ thể: Từ ngày 10 tháng 6 năm 2022 đến ngày 10 tháng 3 năm 2024 yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, từ 11 tháng 3 năm 2024 đến xét xử yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, đồng ý trừ đi 120.000.000 đồng tiền lãi đã nhận.

Ngoài nội dung các bên ghi nhận trong giấy xác nhận nợ, vào ngày 08 tháng 3 năm 2023 ông K nhắn tin cho bà T để hẹn trả số nợ 2.000.000.000 đồng, ngày 23 tháng 11 năm 2023, ông K còn nhờ ông C thông báo cho bà T sẽ thanh toán nợ cùng ngày. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận là 9%/năm trong thời gian từ 10 tháng 6 năm 2022 đến ngày 10 tháng 3 năm 2024.

Bị đơn ông Trần Văn K do người đại diện ủy quyền có lời trình bày: Ông K, bà M là Giám Đốc Công ty TNHH T6. Ngày 05 tháng 7 năm 2017 ông K mở thêm địa điểm Hộ kinh doanh tên Trang Hoàng Phương Long A tại địa chỉ số G Q phường K, thành phố T, Long An. Do có quen biết với ông H từ nhiều năm trước, nên ông K đã mời ông H, bà T về làm việc và giao cho quản lý điều hành hoạt động kinh doanh tại Hộ Kinh doanh Trang Hoàng P tại thành phố T, Long An. Ngày 10 tháng 06 năm 2022 ông K có ký giấy vay mượn của ông H, bà T số tiền 2.000.000.000 đồng để xác nhận về việc ông K, bà M có vay số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 06 năm 2022. Ngày 06 tháng 6 năm 2022, ông H và bà T đã chuyển vào số tài khoản cá nhân bà M số tiền 1.300.000.000 đồng, số tiền còn lại 700.000.000 đồng ông K nhờ bà T trả nợ dùm cho khách hàng của ông K.

Do ông K ở Long T, nên ngày 10 tháng 6 năm 2022 ông K mới về T, Long An và viết giấy nợ theo yêu cầu của ông H, bà T.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 theo lời đề nghị của ông H và bà T xin được bán sản phẩm gạch Ốp lát do công ty T7 (THP) đang phân phối tại thị trường Bến Tre, Trà Vinh và một vài Cửa Hàng Tại Cù Lao T. Hai bên có ký Hợp đồng số 01/HĐMB-THP nội dung "Nhượng lại một phần thị trường phân phối mang thương hiệu THP". Hai bên chốt công nợ 2.000.000.000 đồng như sau:

Ông K và bà M trả dần từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 số tiền 530.000.000 đồng.

Tiền hàng chưa thanh toán và công nợ ông H, bà T chịu trách nhiệm thu đến ngày 25 tháng 3 năm 2023 gồm: Tiền nợ của các khách hàng ở Bến Tre 646.320.000 đồng; Tiền nợ của các khách hàng tại Cù Lao T 4.624.000 đồng.

Số tiền ông K còn nợ ông H, bà T đến ngày 25 tháng 03 năm 2023 là 823.680.000 đồng. Số tiền này được đưa vào nợ đầu kỳ từ ngày 14 tháng 03 năm 2023 để cấn trừ vào tiền mà ông H, bà T tiếp tục mua hàng.

Do thấy ông H và bà T không thực hiện đúng nội dung thanh toán trong hợp đồng đã ký kết giữa các bên nên ông K, bà M đã chấp nhận thu hồi hàng tồn ở kho hàng của ông H và bà T. Căn cứ bảng cập nhật đối chiếu công nợ từ ngày 14 tháng 3 năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2024 thì số tiền hàng thu hồi cùng với vụ xử lý hàng lỗi của nhà máy thì ông H và bà T vẫn còn nợ ông K, bà M số tiền 68.058.448 đồng bao gồm 60.635.241 đồng và 7.423.207 đồng tiền điện thoại của sim số 0937105553 (của Công ty ông H sử dụng). Các bên đã thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Trong tất cả các nội dung trao đổi (bằng tin nhắn zalo), ông H và bà T chưa từng đề cập đến khoảng nợ 2.000.000.000 đồng vào ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Ông H và bà T cho rằng ngày 10 tháng 6 năm 2022 có cho ông K vay thêm 2.000.000.000 đồng nên yêu cầu trả 2.000.000.000 đồng và tiền lãi, ông K không đồng ý. Vì ông H và bà T đã lợi dụng việc bị đơn chưa thu hồi lại giấy nợ ngày 10 tháng 06 năm 2022 để yêu cầu bị đơn phải trả thêm 01 lần nữa là không có cơ sở.

Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông K có nghĩa vụ trả cho ông H và bà T số tiền vốn vay là 1.880.000.000 (một tỷ tám trăm tám mươi triệu) đồng và tiền lãi là 442.238.000 (bốn trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Tổng cộng là 2.322.238.000 (hai tỷ ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm ba mươi tám) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T về việc buộc ông K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H và bà T số tiền lãi 70.307.000 (bảy mươi triệu ba trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

Về án phí: Buộc ông K phải chịu 78.445.000 (bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Buộc ông H, bà T phải chịu 3.515.000 (ba triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng. Khấu trừ 39.000.000 (ba mươi chí triệu) đồng tiền tạm ứng án phí ông H và bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001557 ngày 08 tháng 04 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông H, bà T số tiền tạm ứng án phí 35.485.000 (ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông K và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho ông K có lời trình bày: Xác định chỉ vay của ông H và bà T số tiền 2.000.000.000 đồng. Vào ngày 06 tháng 6 năm 2022 bà T chuyển khoản vào tài khoản bà M số tiền 1.300.000.000 đồng, do vào ngày thứ 2 ông K ở Đồng Nai nên không có xác nhận nợ. Sau đó, ông K có yêu cầu bà T chuyển khoản trả cho ông T5 vào ngày 07 tháng 6 năm 2022 số tiền 150.000.000 đồng, chuyển khoản trả cho ông T3 vào ngày 08 tháng 6 năm 2022 số tiền 10.000.000 đồng, chuyển khoản trả cho người bán cây cảnh ngày 09 tháng 6 năm 2022 số tiền 40.000.000 đồng, chuyển khoản cho cháu ông K tên V1 số tiền 50.000.0000 đồng, ngày 07 tháng 6 năm 2022 chuyển khoản trả cho cây cảnh 82.059.000 đồng và chuyển khoản trả một số người nợ riêng cho ông K trong thời gian từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 6 năm 2022. Sau khi bà T báo đã chuyển khoản trả xong thì ngày 10 tháng 6 năm 2022 (là ngày thứ 6) ông K xuống Long An có ký giấy xác nhận có vay 2.000.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H. Như vậy, số tiền 2.000.000.000 đồng này có nguồn gốc như đã trình bày trên, hoàn toàn không có việc ông H cho ông K vay thêm số tiền 02 lần là 2.000.000.000 đồng.

Sau đó ông K có chuyển khoản cho bà T để trả nợ Ngân hàng đến ngày 06 tháng 3 năm 2023 số tiền 678.285.000 đồng, bà T xác nhận tổng số tiền cấn trừ 530.000.000 đồng (chênh lệch 148.285.000 đồng là bà T xác nhận chưa đúng). Ngày 13 tháng 3 năm 2023 hai bên hoạch toán nhường một số phạm vi bán hàng cho ông K và thu hồi nợ khách hàng để cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng như các thị trường như Bến Tre, Trà V và 04 cửa hàng tại Cù Lao T với số tiền 1.137.859.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 3 năm 2023 hai bên chốt nợ chuyển lên đầu kỳ là số tiền 823.680.00 đồng. Sau đó hai bên tiếp tục cấn trừ tiền bà T lấy hàng của ông K vào ngày 28 tháng 3 năm 2023 ông H và bà T nợ lại tiền của ông K và bà M số tiền 39.065.310 đồng. Sau đó, ông H, bà T tiếp tục mua hàng và đến ngày 05 tháng 7 năm 2024 tiếp tục nợ ông K và bà M số tiền 60.635.241 đồng.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 ông H và bà Thu M1 02 chiến xe tải và chuyển khoản cho bà M số tiền 800.000.000 đồng. Như vậy, bà T là chủ tài khoản và là kế toán của H2 kinh doanh do ông K làm chủ, trong thời gian từ ngày 10 tháng 6 năm 2022 đến khi tranh chấp hoàn toàn không nhắc đến khoản nợ 2.000.000.000 đồng mà ông K khởi kiện và hoàn toàn không yêu cầu tính lãi hay cấn trừ số tiền nợ vào số tiền ông H và bà T còn nợ hay là cấn trừ vào số tiền ông H và bà Thu M1 02 chiếc xe tải của ông K và bà M. Đối với các khoản nợ của ông H và bà M và việc nhường một số phạm vi bán hàng cho ông K và thu hồi nợ khách hàng để cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng, các bên đề thống nhất và có căn cứ chứng minh, ông K và bà T đều thừa nhận đã cấn trừ xong. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định giấy xác nhận nhận vay 2.000.000.000 đồng mà ông K, bà T khởi kiện là xuất phát từ số tiền bà T chuyển khoản 1.300.000.000 đồng và các khoản bà T chuyển khoản trả nợ cho ông K là đã cấn trừ xong. Nên ông K hoàn toàn không còn nợ ông H và bà T số tiền nào.

Bị đơn bà M có lời trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông K và luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông K. Ngày 08 tháng 10 năm 2023, bà T có nhắn tin cho bà qua zalo nói về khoản vay 2.000.000.000 đồng của ông K, bà M hoàn toàn không thừa nhận và yêu cầu bà T xuất trình 02 biên nhận thể hiện vay 02 là 4.000.000.000 đồng; tuy nhiên, bà T không xuất trình được, bà T trình bày đã trả lại là điều hoàn toàn không có vì thực tế chỉ có 01 giấy vay xác nhận số tiền 2.000.000.000 đồng. Bà T là chủ tài khoản và là kế toán của của H2 kinh doanh có quyền trừ tiền lãi nếu đến hạn ông K không thanh toán hay trừ vào tiền gốc hoặc trừ vào số tiền chuyển khoản 800.000.000 đồng trả tiền mua 02 chiếc xe bán tải của vợ chồng ông K và bà T. Căn cứ vào sổ sao kê số tài khoản của bà T thể hiện dòng tiền của ông K vẫn còn trong quá trình kinh doanh và hoàn toàn không thể hiện việc bà T có cấn trừ. Nên bà M xác định ông K chỉ vay ông H và bà T số tiền 2.000.000.000 đồng và đã cấn trừ xong, không còn nợ.

Nguyên đơn ông H do ông T1 đại diện ủy quyền có lời trình bày: Ông K xác định chuyển khoản cho bà M số tiền 1.300.000.000 đồng và trả nợ dùm cho ông K là khoản tiền ông H và bà T vay của Ngân hàng và số tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy xác nhận 10 tháng 6 năm 2022 là số tiền ông K đưa cho ông H tiền mặt, đây là 02 khoản tiền khác nhau. Số tiền chuyển khoản và trả nợ cho ông K các bên đã quyết toán xong số nợ 2.000.000.000 đồng, không tranh chấp. Số tiền 2.000.0000.000 đồng theo giấy xác nhận là nguồn tiền ông H, bà T có tiền mặt để giành, việc giao tiền mặt tại quán cà phê và không ai chứng kiến. Do tình nghĩa nên ông H, bà T không yêu cầu ông K trả. Sau đó ông H có điện thoại cho ông K nhưng không liên lạc được nên bà T có báo cho bà M qua Zalo của bà M. Thực tế ông K có rất nhiều lần mượn tiền của bà T điều này có cung cấp tin nhắn qua zalo và ông K dặn bà T đừng cho bà M biết nên xác định 2.000.000.000 đồng là số tiền mặt ông H đưa trực tiếp cho ông K không liên những khoản cấn trừ mà các bên đã thống nhất cấn trừ xong.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông K kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông H, bà T khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền vay 2.000.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ là Giấy xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2022 có nội dung "*Tôi tên Trần Văn K có nhận vay mượn của vợ chồng anh chị Hừng T4 số tiền 2.000.000.000 đồng (02 tỉ đồng) hình thức mượn vay trả nợ theo lãi suất ngân hàng trả lãi góp theo hàng tháng cho đến khi hết nợ*", ông K ký tên. Phía ông H cho rằng đây là tiền ông K vay riêng của cá nhân ông K, ông H giao tiền mặt cho ông K ngày 10 tháng 6 năm 2022, ông K nhận tiền đưa lại cho ông H 120.000.000 đồng tiền lãi và giao tiền tại quán

cà phê không có ai chứng kiến nhưng ông K không thừa nhận có việc nhận số tiền này. Ông H không chứng minh được có việc giao số tiền này. Về nguồn gốc số tiền ông H trình bày có sự mâu thuẫn, khi ngày 06 tháng 6 năm 2022 ông H phải vay tiền của Ngân hàng B 1.000.000.000 đồng và chuyển khoản từ Ngân hàng B cho ông K, bà M số tiền 1.300.000.000 đồng, số tiền còn lại 700.000.000 đông thì bà T4 chuyển khoản cho các khách hàng của ông K theo yêu cầu của ông K nhưng 04 ngày sau là ngày 10 tháng 6 năm 2022 ông H lại có tiền mặt cho ông K vay tiếp 2.000.000.000 đồng và cho rằng đây là tiền mặt ông H, bà T4 có cất giữ tại nhà.

Ông K và bà M cho rằng thực tế chỉ có 01 khoản vay bắt đầu từ ngày 06 tháng 6 năm 2022 cho đến ngày 10 tháng 6 năm 2022 mới đủ 2.000.000.000 đồng nên ông K mới làm giấy xác nhận vào ngày 10 tháng 6 năm 2022. Cụ thể ngày 06 tháng 6 năm 2022 bà T4 chuyển khoản cho bà M 1.3000.000.000 đồng, ngày 07 tháng 6 năm 2022 chuyển mua cây cảnh 82.059.000 đồng, ngày 07 tháng 6 năm 2022 chuyển khoản cho Tô Thanh T5 150.000.000 đồng, ngày 08 tháng 6 năm 2022 chuyển cho ông T3 10.000.000 đồng, ngày 09 tháng 6 năm 2022 chuyển mua cây cảnh 40.000.000 đồng, ngày 10 tháng 6 năm 2022 chuyển cho Lê Văn Hoàng Quốc V1 50.000.000 đồng. Bà T4 báo đã chuyển đủ số tiền 700.000.000 đồng, ông K không kiểm tra lại.

Quá trình chuyển khoản cấn trừ nợ giữa hai bên thể hiện theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ông H, bà T4 đã thanh toán cho ông K, bà M tổng số tiền công nợ các khách hàng thuộc khu vực Bến Tre và Trà Vinh chốt đến ngày 13 tháng 3 năm 2023 số tiền là 1.137.859.000 đồng và đồng ý mua lại của ông K, bà M 02 chiếc xe, ngày 16 tháng 3 năm 2023 bà T4 chuyển tiền thanh toán xe 800.000.000 đồng cho ông K, bà T4 tiếp tục lấy hàng cho đến ngày 28 tháng 3 năm 2023. Sau khi cấn trừ hết số tiền thì bà T4 còn nợ lại bà M, ông K là 34.086.690 đồng (Biên bản đối chất ngày 11 tháng 9 năm 2024). Nhận thấy, nguyên đơn cho rằng bị đơn còn vay của nguyên đơn khoản nợ thứ hai là 2.000.000.000 đồng ngày 10 tháng 6 năm 2022 với lãi suất 1%/tháng và đã lấy lãy trước 06 tháng thì đến tháng 01 năm 2023 là đến hạn trả lãi nhưng cho đến khi bà T4 nhắn tin đòi tiền bà M là vào tháng 10 năm 2023, trước đó hoàn toàn không nhắc đến tiền lãi và cũng không cấn trừ nợ trong khi nguyên đơn còn nợ lại tiền hàng chốt đến tháng 3 năm 2023 là 34.086.690 đồng. Mặt khác, ông K sử dụng tài khoản của bà T4 để nhận chuyển khoản tiền của H2 kinh doanh có các khoản tiền chuyển đến và chuyển đi nhưng không thể hiện việc bà T4 trừ tiền lãi từ tháng 01 tháng 2023 của khoản vay 2.000.000.000 đồng. Ông H cho rằng đây là nợ riêng của ông K và có yêu cầu ông K trả tiền nhưng ông K không trả nhưng không chứng minh được việc có yêu cầu ông K trả tiền này cho đến ngày 08 tháng 10 năm 2023 bà T4 có nhắn tin báo cho bà M biết ông K có mượn nợ 2.000.000.000 đồng vào ngày 10 tháng 6 năm 2022 nhưng bà M không thừa nhận nợ.

Qua các căn cứ trên có thể xác định giấy xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2022 ông K viết là để xác nhận lại sự kiện số tiền vay từ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và các khoản tiền bà T4 chuyển khoản theo yêu cầu của ông K đến ngày 10 tháng 6 năm 2022 là đủ 2.000.000.000 đồng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông K kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông K kháng cáo về toàn bộ Bản án. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Căn cứ vào "giấy xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2022 có nội dung "*Tôi tên Trần Văn K có nhận vay mượn của vợ chồng anh chị Hừng Thu số tiền 2.000.000.000 đồng. Hình thức mượn vay trả nợ theo lãi suất ngân hàng trả lãi góp theo hàng tháng cho đến khi hết nợ*". Nên ông H và bà T4 yêu cầu ông K trả số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2022 đến ngày 10 tháng 3 năm 2024 yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, từ 11 tháng 3 năm 2024 đến xét xử yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, có trừ đi số tiền lãi 120.000.000 đồng đã nhận.

[3.1] Ông K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T4 vì giấy xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2022 là từ số tiền bà T4 chuyển khoản 1.300.000.000 đồng vào số tài khoản của bà M ngày 06 tháng 4 năm 2022 và ông H, bà T4 đã chuyển khoản trả nhiều khách hàng dùm ông K tổng số tiền 700.000.000 đồng. Khi bà T4 báo đã chuyển khoản đủ đến ngày 10 tháng 6 năm 2022 thì ông K1 mới ký xác nhận nội dung "*tôi tên: Trần Văn K. Có nhận vay mượn của vợ chồng anh chị Hừng Thu số tiền 2.000.000.000 đồng*." Hoàn toàn không có việc ông H đưa trực tiếp ông K số tiền 2.000.000.0000 đồng, giấy ghi nội dung xác nhận là tờ giấy A4, giấy in tại Hộ kinh doanh nên việc nói giao tiền tại quán cà phê và có tờ xác nhận trên khổ giấy A4 là hoàn toàn không phù hợp.

[3.2] Ông K thừa nhận chữ ký trong giấy xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, số tiền nợ các bên đã thanh toán xong. Ông K yêu cầu thu thập chứng cứ và các số tài khoản của bà T4 để chứng số tiền chuyển khoản của bà T4 cũng như số tiền chuyển khoản ngày 6 tháng 4 năm 2022 từ số tiền thế sổ tiết kiệm tại Ngân hàng B để vay 1.000.000.000 đồng. Căn cứ vào số tài khoản của bà T4, thể hiện tài khoản vừa sử dụng cho cá nhân và cho H2 kinh doanh, vẫn thể hiện dòng tiền lưu thông vào tài khoản của bà T4 có nguồn tiền của H2 Kinh doanh. Các bên đã thống nhất ngày 13 tháng 3 năm 2023 hai bên hoạch toán nhường một số phạm vi bán hàng cho ông H và thu hồi nợ khách hàng để cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng như Bến Tre, Trà V và 04 cửa hàng tại C Tiền Giang là 1.137.859.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 3 năm 2023 hai bên chốt nợ chuyển lên đầu kỳ số tiền 823.680.00 đồng; sau đó hai bên tiếp tục cấn trừ tiền bà T4 lấy hàng của ông K thời gian là ngày 28 tháng

3 năm 2023 ông H, bà T4 nợ tiền ông K và bà M số tiền 39.065.310 đồng. Ông H, bà Thu T4 tiếp tục mua hàng của ông K và đến ngày 05 tháng 7 năm 2024 nợ ông K, bà M số tiền 60.635.241 đồng. Ngày 16 tháng 3 năm 2023 ông H, bà Thu M1 02 chiến xe tải đã chuyển khoản cho bà M số tiền 800.000.000 đồng. Ông H, bà T4 trình bày số tiền theo giấy xác nhận 2.000.000.000 đồng là số tiền mặt nhưng ông K không thừa nhận. Ngoài chứng cứ là giấy xác nhận nợ ông H, bà T4 thì ông H và bà T4 không chứng minh nguồn tiền, giao tiền mặt tại đâu và chứng minh trong khoản thời gian từ ngày 10 tháng 4 năm 2022 đến ngày khởi kiện không chứng minh có yêu cầu ông K trả số tiền trên, cũng như tiền lãi. Ngày 16 tháng 3 năm 2023 ông H, bà T4 cũng không cấn trừ số tiền 800.000.000 đồng trả cho K và bà M về việc mưa 02 chiếc xe tải, nếu cho rằng ông K còn nợ cũng như cấn trừ vào số tiền 39.065.310 đồng mà đến ngày 28 tháng 3 năm 2023 ông H, bà M còn nợ tiền mua hàng của ông K. Phía ông H, bà T4 cho rằng là đây là hai khoản nợ khác; tuy nhiên ông H và bà T4 không chứng minh được việc đưa tiền mặt 2.000.000.000 đồng như đã phân tích. Từ phân tích trên có căn cứ xác định giấy xác nhận vay số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 10 tháng 4 năm 2022 là xác nhận lại của số tiền bà T4 chuyển khoản 1.300.000.000 đồng ngày 6 tháng 4 năm 2022 và các khoản bà T4 đã chuển khoản trả nợ dùm ông K tổng số tiền 700.000.000 đồng và số tiền này hai bên đã thống nhất đã cấn trừ xong nên ông K không còn nợ ông H và bà T4 như đã phân tích. Lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông K. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hừng Thu phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác theo quy định.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh).

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H và bà Huỳnh T

1. Bác đơn khởi kiện của ông Dương Văn H và bà Huỳnh T yêu cầu ông Trần Văn K trả số tiền 2.392.545.000 (hai tỷ ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm ba mươi tám) đồng, bao gồm tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 392.545.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Dương Văn H và bà Huỳnh T phải chịu 79.850.000 (bảy mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Khấu trừ 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001557 ngày 08 tháng 04 năm 2024. Ông Dương Văn H và bà Huỳnh T phải nộp tiếp số tiền 40.850.000 (bốn mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn K không phải chịu. Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Trần Văn K đã nộp theo Biên lai thu số 0000872 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 1;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Lê Thị Bích Tuyền